

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC VIÊN THEO HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 02/2007/QĐ-BGDĐT NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2007 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Thang điểm, hình thức kiểm tra

1. Điểm kiểm tra theo thang điểm 10. Điểm kiểm tra là một số nguyên. Điểm kiểm tra học kỳ có thể là số thập phân, phần thập phân được giữ lại một chữ số, là số 0 hoặc số 5 theo quy tắc làm tròn.
2. Hình thức kiểm tra bao gồm: kiểm tra miệng (KTm), kiểm tra viết 15 phút (viết tắt KT15 phút), kiểm tra viết một tiết trở lên (viết tắt KT1 tiết), kiểm tra thực hành (KTth), kiểm tra học kỳ (KThk) kết hợp với các hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình học tập khác như: phiếu hỏi, phiếu quan sát, nhật kí học tập, kế hoạch học tập, sổ theo dõi học tập, hồ sơ học tập, phỏng vấn, thông tin phản hồi của bạn bè và học tập hợp tác.

3. Điểm trung bình học kỳ, cả năm là một số nguyên hoặc số thập phân, phần thập phân giữ lại một chữ số theo quy tắc làm tròn”.

2. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Điểm trung bình học kỳ, cả năm

1. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTBhk) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ tất cả các môn học.

$$\text{ĐTBhk} = \frac{\text{ĐTBmhk Toán} + \text{ĐTBmhk Vật lý} + \dots}{\text{Tổng hệ số}}$$

2. Điểm trung bình cả năm (ĐTBcn) là trung bình cộng của điểm trung bình môn cả năm của tất cả các môn học.

$$\text{ĐTBcn} = \frac{\text{ĐTBmcn Toán} + \text{ĐTBmcn Vật lý} + \dots}{\text{Tổng hệ số}}$$

3. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Đối tượng đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

1. Học viên theo học Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT được đánh giá, xếp loại hạnh kiểm.

2. Học viên thuộc đối tượng sau đây không đánh giá, xếp loại hạnh kiểm:

a) Học viên học theo hình thức vừa làm vừa học gồm có:

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

- Cán bộ, chiến sĩ thuộc các lực lượng vũ trang.

- Người lao động từ 20 tuổi trở lên đối với cấp THCS và 25 tuổi trở lên đối với cấp THPT.

b) Học viên học theo hình thức tự học có hướng dẫn”.

4. Bổ sung Điều 12a sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Đánh giá học viên khuyết tật

1. Đánh giá học viên khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học viên.

2. Học viên khuyết tật có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình GDTX cấp THCS, THPT được đánh giá, xếp loại theo các quy định như đối với học viên bình thường.

3. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà người khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn”.

5. Điểm đ khoản 3 và khoản 5 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm đ khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“đ) Chưa có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ bạn bè”.

b) Khoản 5 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ II. Với những trường hợp đặc biệt, giáo viên chủ nhiệm báo cáo Giám đốc cơ sở giáo dục thường xuyên/Hiệu trưởng trường trung cấp chuyên nghiệp/cao đẳng chuyên nghiệp quyết định”.

6. Sửa đổi cụm từ “không quá 35 buổi học” thành cụm từ “không quá 45 buổi học” tại điểm a khoản 1 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 16 và khoản 1 Điều 17.

7. Sửa đổi cụm từ “giám đốc cơ sở giáo dục thường xuyên” thành cụm từ “giám đốc cơ sở giáo dục thường xuyên/Hiệu trưởng trường trung cấp chuyên nghiệp/cao đẳng chuyên nghiệp” tại điểm c khoản 2 Điều 16.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 15.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2014.

2. Ch, nh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBVHGD-TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Vinh Hiền